

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 3

Thứ hai là giải thích quán trí, có hai: Đầu tiên là nêu ra. Từ “Kết cảnh v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên là kết thúc cảnh của Thế Âm. Muốn trình bày quán trí trước tiên kết thúc cảnh giới, âm thanh thế gian có vô biên phẩm loại, trần sa chẳng thí dụ được, phải dựa vào thánh giáo kết hợp nêu ra để cảnh, mới có thể nói về quán. Quán không dựa vào để thì sai lầm còn gì nghi ngại. Mười cõi là nhân duyên cảnh: Vì mười như là tương tự mười hai nhân duyên, do đó nghĩa không khác nhau. Từ “Hai, nói rõ v.v...” trở xuống chính là trình bày trí của năng quán, có hai: Đầu tiên là nói sơ về các cảnh quán. Để duyên với tất cả bốn giáo cho nên là bốn, ba để chỉ riêng Biệt giáo - Viên giáo cho nên là hai, hai để thêm vào ba kể cho nên là bảy, một thật chỉ riêng Viên cực cho nên là một, không có để thì thể quên do đó quán cũng không thành lập. Từ “Nay căn cứ v.v...” trở xuống là nay dựa vào ba để quán ấy, cảnh thuận theo văn mới của Niết-bàn, quán dựa theo nói tức nhau của Trung luận, gột sạch tình lập nên pháp chỉ ra tâm kỳ diệu dung thông, cuối đời Tượng pháp quán môn này là nhất. Đầu tiên nêu ra cảnh chung riêng. Thông đối với Đốn Quán - Biệt đối với Tiệm quán. Từ “Nay đối v.v...” trở xuống nói về quán Tiệm - Đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra cả cặp. Từ “Thứ lớp v.v...” trở xuống giải Thích Cả hai, có hai: Thứ nhất trải qua giáo giải thích. Hai là chủng loại quán, có hai: Đầu tiên là Thiên - Viên cùng giải thích, có hai: Thứ nhất dựa theo các bộ giải thích, có năm: Một là dựa vào Anh Lạc nói về ba quán. Thể ở ba Giả nên bốn câu không sanh khởi, ngay nơi tục nhìn thấy chân gọi là từ giả đi vào không quán. Quán ba giả tục đi vào ngay nơi không chân, từ tục đi vào chân lại gọi là hai đế. Đối với không chẳng thể chứng, phân biệt tất cả thuốc - bệnh của ba giả, tùy bệnh trao cho thuốc, cho nên gọi là từ không đi vào giả. Trước dùng chân phá trừ tục, nay dùng tục phá bỏ chân. Hoặc là tục hoặc chân phá bỏ sử dụng đã cân bằng, lại gọi là bình đẳng. Dùng hai phá trước làm thành cặp ngăn trở phương tiện, tức là lấy

hai dụng làm thành cặp soi chiếu phương tiện. Thứ lớp phá - dụng đã lập nên, một tâm ngăn trở - soi chiếu có thể tu, do đó nói hai quán làm những phương tiện. Ba quán đều dùng từ trong tên gọi thù thắng, tâm đã tức trung thì tư nghị quên hết, gọi là đệ nhất nghĩa đế quán. Hai là từ “Đây ba quán v.v...” trở xuống dựa vào Đại phẩm nói về ba trí, có hai: Đầu tiên chính thức nói về tướng của ba trí. Nội pháp nội danh: Pháp tướng mà trong lý giải thích và danh tự năng thuyên. Ngoại pháp ngoại danh: pháp tướng mà trong ngoài là giải thích, và danh năng thuyên. Nếu quán không thành tựu, đối với danh tướng này đều có khả năng thể đạt vô ngã và ngã sở. Vì thế Phật dạy: “Pháp Bà-la-môn Ma-ha Ca-diếp đều biết, pháp Sa-môn đều biết, cho nên nói trong ngoài thường biết, thường hiểu rõ”. Nhưng trí Không đó chỉ có thể đạt được chung các pháp vô sanh, không thể tách biệt biết rõ duyên khởi các pháp, do đó không thể sử dụng đạo pháp của chư Phật, phát khởi tất cả hạt giống thiện của chúng sanh. Giả quán có thể như vậy, cho nên sử dụng đạo chủng mà gọi trí đó. Đối với Nhất chủng v.v... nói đến trí Trung quán ấy, thì hiểu rõ tất cả đều là Trung đạo, Trung thì không nghiêng về tuyệt đãi làm nghĩa. Nếu một pháp là Trung, thì tất cả là nhân chủng của chúng sanh, đạo pháp của tất cả Chư Phật. Chẳng có gì không hướng đến, một pháp có bên ngoài không gọi là Trung. Một pháp đã như vậy, thì tất cả các pháp đều như thế, cho nên nói rằng đối với nhất chủng trí, biết tất cả đạo, biết tất cả chủng loại. Nhất tướng v.v... Kết thúc những gì đã nói ở trước mà trở thành ngăn dứt, soi chiếu, cả hai ngăn trở thì một tướng vắng lặng, cả hai soi chiếu thì các loại đều biết. Ngăn che - soi chiếu đồng thời, cho nên gọi là nhất thiết chủng trí. Từ “Thông mà v.v...” trở xuống là đối chiếu ở trên giải thích về chung riêng. Anh lạc là ba quán, Đại phẩm là ba trí, chung thì tên gọi khác nhau- riêng thì chia ra nhân quả. Từ “Ba quán trí v.v...” trở xuống đối chiếu bốn trí của Đại kinh, có hai: Đầu tiên sơ lược chỉ ra tướng bốn trí. Đại kinh thứ hai mươi lăm chép: “Quán về nhân duyên, trí gồm có bốn thứ, đó là hạ - trung - thượng - thượng thượng. Người hạ trí quán xét không nhìn thấy Phật tánh, vì không thấy cho nên đạt được Bồ-đề hàng Thanh-văn. Người trung trí quán xét không thấy Phật tánh, không thấy Phật tánh cho nên đạt được Bồ-đề Duyên-giác. Người thượng trí quán xét thấy không sáng tỏ, không sáng tỏ cho nên trú ở địa Thập trụ. Người thượng thượng trí quán xét thấy thì hiểu rõ ràng, đạt được A-nậu-bồ-đề”. Phụ Hạnh giải thích: “Nhân duyên không sai khác, bốn quán không bằng nhau”. Đối chiếu trong Biệt giáo: “Nói rằng trú ở Thập trụ địa ấy

là, theo thứ lớp hành từ Trú đi vào không, cho đến Thập địa mới đi vào Trung đạo. Thứ lớp trú vào ba nơi cho nên gọi là Trú, Trú và Bất liễu hoàn toàn dựa theo giáo đạo”. Từ “Niết-bàn v.v...” trở xuống là đối chiếu phía trên phân định về lìa - hợp, bốn giáo chứng tu chỉ trí ba quán, không phân tích thành thể cho nên trở thành bốn. Đại kinh quán xét duyên trình bày bốn trí là, dùng Tạng giáo phân tích “Không” làm hạ trí. Đại phẩm là ba trí - Anh lạc là ba quán vì chọn lấy Tiểu thừa nói về Đại thừa. Nếu dùng ba trí ba quán của hai kinh, dựa vào bốn trí của Đại kinh thì phải tiến hành phân tích không sanh diệt tất cả trí. Nếu dùng bốn trí của đại kinh dựa vào ba trí ba quán của hai kinh ấy, thì phải kết hợp hạ trí - trung trí cùng nhau đi vào không trí. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là dùng quán trí đối chiếu năm thứ mắt. Hai thứ nhục nhãn - Thiên nhãn là bốn trí, ba trí, cảnh sở quán vốn không luận bàn về khai hợp, Tuệ, Pháp, Phật nhãn cùng với ba quán trí, chủ định đối chiếu đầy đủ với bản thân. Nếu nói về bốn trí cần phải ở tại tuệ nhãn, mà so sánh phân tích thể của hai không trí. Từ “Trung luận v.v...” trở xuống là dùng Trung luận kết thúc bốn câu. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là đối chiếu bốn giáo giải thích, có hai: Đầu tiên chính là đối chiếu bốn giáo, có hai: Thứ nhất chính là đối chiếu với giáo. Hai từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là đưa ra lý do. Quán cần phải giải thích giáo - trí căn cứ vào quán đạt được, nay nói về quán trí thì phải thường giải thích giáo. Từ “Giáo hản v.v...” trở xuống mở rộng nói về bốn tướng, có hai: Đầu tiên bốn giáo chủ, có hai: Thứ nhất nói về giáo chủ một và khác. Văn có hai nghĩa nói về một và khác. Trước là luận vượt quá tiết đoạn, chỉ một vị Phật viên mãn mang đến bốn thứ cơ, nói ra bốn giáo pháp. Kế là từ “Hoặc có thể v.v...” trở xuống dựa theo luận đang phân biệt, tùy cơ sở kiến dựa vào giáo sở thuyết, thể dụng của bốn Phật hơn hay kém khác nhau rất lớn. Từ “Bốn giáo v.v...” trở xuống nói về Bồ xứ Thiên - Viên. Bồ xứ cũng trình bày vượt quá tiết đoạn tương đương phân chia, theo như Giáo chủ có thể biết. Từ “Nếu nói v.v...” trở xuống là bốn giáo pháp, có hai: Đầu tiên là nói lý còn không có một. Hai từ “Đáp lý v.v...” trở xuống là nói về phó duyên nói ra bốn giáo. Trước giải thích chung đề mục, đầu tiên của mười nghĩa đã nói về nghĩa này, chứng lý tuyệt ngôn phủ kín cơ duyên cần phải có giáo, có hai: đầu tiên nói về phó duyên. Từ “Tam Tạng v.v...” trở xuống nói về nói ra bốn giáo, có bốn: Đầu tiên là Tam Tạng, có ba: Thứ nhất trình bày giáo tướng, có hai: Trước hết nói về nguyện hạnh, có hai: Một. Dựa vào đế lập thế, đầu tiên là người thợ gốm: Hợp lại nói là con người thợ gốm, nhân gặp Đức Phật ấy đi vào

thành khát thực, tướng tốt cao to oai nghiêm, mới phát sanh thiện tâm mà thích thú cúng dường, liền hướng về Đức Phật ấy phát ra lời thề rằng: Nguyện con sẽ thành Phật, hoàn toàn giống Thế tôn trước mắt, cho nên hiện nay là thời pháp trụ của Đức Thích Ca, hóa độ cho người bao nhiêu v.v... đều giống như vị Phật xưa kia. Nói lập tức khởi lên từ bi ấy là phát tâm dứt trừ khổ đau mong muốn mang lại niềm vui cho họ. Nếu không xem xét tỉ mỉ không nghĩ đến kiết tập và nỗi khổ luân hồi, lại không xem xét tỉ mỉ ba vô vi diệt, và không còn khổ đạo, thì không dứt trừ ranh giới khổ đau, chẳng mang lại niềm vui thật sự. Phạm phu ngoại đạo không thể tưởng tượng, Nhị thừa không có thể nguyện, Bồ-tát y để lập thế trái với hai loại. Từ “Hành lục v.v...” trở xuống là y thế khởi hạnh, có hai: Đầu tiên Lục độ bổ sung nguyện. Trong văn đã nói về sáu Tể (che đậy) là Tập, sáu đường là khổ, sáu độ là đạo, che đậy dứt sạch là Diệt. Lục nêu đầu đuôi, bốn thứ giữa theo đây mà biết. Bồ-tát giáo này tự mình điều phục sáu Tể, đối chiếu phá trừ sáu đạo, khiến cho người khác dứt trừ tập xa lìa khổ. Bồ-tát Giới sơ nói: “Bố thí phá trừ ngã quý, trì giới cứu giúp địa ngục, nhẫn nhục cứu giúp súc sanh, tinh tiến dứt trừ Tu-la, thiền định yên ổn trong loài người, trí tuệ chiếu soi chúng cõi trời”. Từ “Hành sáu độ này v.v...” trở xuống là thời gian sáu độ đầy đủ. Như vua Thi-tỳ cắt thịt khắp thân đến chỗ chim ưng đối lấy chim bồ câu, cho đến dùng hết một thân mà không phiền muộn không chết, tự thề mà chân thật cảm được thân hoàn lại như cũ, là tướng bố thí (đàn) trọn vẹn. Như vua Tu-ma-đề dùng thân đến chết giữ gìn giới không vọng ngữ, là tướng trì giới (thi) trọn vẹn. Như vị Tiên nhẫn nhục bị Ca Lợi Vương cắt đứt thân thể, hiện từ nén chịu bất động thực hiện lời thề lập tức cảm ứng máu thay đổi biến thành sữa, là tướng nhẫn nhục (sản đề) trọn vẹn. Như Thái tử Hiếu Thí cầu ngọc như ý vật báu rãi xuống như mưa cứu giúp người nghèo, được ngọc châu rơi xuống biển vạch biển lấy lên, gân cốt đứt gãy hư hoại không hề rơi lỏng bỏ dở, chư thiên hỏi lý do, nói rằng đời đời không ngừng, vì thế giúp đỡ vạch biển nên nước biển giảm bớt nửa, rồng sợ biển khô nên đưa ngọc châu cho Thái tử, là tướng tinh tiến (Tỳ ly da) trọn vẹn. Như Thượng Xà Lê đạt được thiền thứ tư dứt hơi thở ra vào, chim tướng đó là cây nên đẻ trứng trong bụi tóc, xuất định muốn đi sợ chim mẹ không đến, liền tiếp tục đi vào thiền chim bay mới đứng dậy, là tướng thiền định trọn vẹn. Như Đại thần Cù Tần phân vùng Diêm-phù-đề thành bảy phần, thành thị xóm làng núi sông đồng đều vì thế ngừng tranh cãi, là tướng trí tuệ (Bát-nhã) trọn vẹn. Nói Mãn là độ vốn đối trị Tể, hành đợi chờ đầy đủ nguyện.

Nay che đây đã xa lìa ban cho và dứt trừ được như lòng muốn, tức là biết công lao đó của sáu độ hạn định thoả mãn. Từ “Như đây v.v...” trở xuống nói về thời gian - địa vị, có ba: Đầu tiên dựa theo thời gian nói về hành tướng. Từ cổ xưa đức Thích Ca đến Kế Na Thi Khí Phật. Gọi là sơ tăng kỳ, gần như hưởng về địa vị Thanh-văn, thuộc về Ngũ đình tâm và biệt tướng - tổng tướng niệm xứ. Lực quán đã nhỏ bé vì thế không biết thành Phật. Từ Kế Na Thi Khí đến thời Nhiên Đăng Phật, gọi là Tăng kỳ thứ hai, địa vị đang là Noãn pháp. Đã có niềm tin chứng pháp, chắc chắn biết thành Phật, tâm chưa rõ ràng cho nên không nói ra cho người khác nghe. Từ Phật Nhiên Đăng đến Tỳ Bà Thi Phật, gọi là Tăng kỳ thứ ba, địa vị thuộc về Đảnh pháp. Nội tâm hiểu rõ ràng tự biết thành Phật, miệng tự phát ra lời nói không còn sợ khó như dê mập không mỡ: Đại luận nói: “Bồ-tát này tuy có năm dục hấp dẫn mà không sanh ra tham đắm, bởi vì có quán xét về những thứ vô thường, thí dụ như có vị Vương có một đại thần tự che giấu tội lỗi, vua muốn phạt tội, nói rằng: Nếu được con dê mập mà không có mỡ thì sẽ tha tội cho ông. Đại thần có trí, buộc một con dê nuôi ở nơi có đồng cỏ và nguồn nước, mỗi ngày ba lần dùng con sói làm cho khiếp sợ. Con dê tuy được nuôi béo mà không có mỡ. Vua hỏi: Vì sao được như vậy? Trả lời rằng vì việc trên. Bồ-tát cũng như vậy, thấy loài sói vô thường - không, khiến cho mỡ kết sử tiêu hết mà thân công đức mập lên”. Từ “Dùng đây v.v...” trở xuống dựa theo quán nói về địa vị trải qua.

Hỏi: Thanh-văn căn độn hãy còn có thể gấp rút đi vào bảy Hiền bốn Thánh, Bồ-tát lợi trí vì sao ba kỳ mà còn ở Đảnh pháp?

Đáp: Thanh-văn chỉ ở tại một cảnh một môn, tu các niệm xứ cho nên dễ thành tựu Bồ-tát, khắp nơi hưởng về tất cả các cảnh giới, mỗi mỗi bốn môn, lại cộng thêm sáu độ huân tu dài lâu, khiến cho mỗi hạnh gồm thấu các chúng sanh làm cho hạt giống giải thoát chín muồi, vì thế trong ba kỳ tất cả người thay đổi cơ duyên được siêu phàm nhập Thánh. Tự thân bờ bên này độ người bờ bên kia, cho nên trải qua kiếp dài lâu chứng đắc địa vị còn dưới thấp. Nói là ba mươi bốn tâm chánh tập đều hết ấy, lập tức chứng La-hán cho đến Bích chi Phật, cũng là ba mươi bốn tâm không gián đoạn mà đạt được, nhưng không dùng chánh tập hết ngay này. Một khi nói đối với tập thì có kiến tư tập và trần sa tập. Bồ-tát tu học các pháp môn nhiều như cát bụi, sửa trị tuệ thấp kém đó, đối với mỗi môn dùng bốn đế quán xét, điều phục chánh sử đó hưởng về mỗi mỗi môn thực hành sáu độ xông ướp kiến tư tập. Do đó từ Thọ vương trở xuống ba mươi bốn tâm, đối với trần sa pháp chứng bốn chân

đế, vì thế khiến cho chánh sử và hai tập khí hết cùng lúc, cho nên có thể hai đế đều là rốt ráo, mới khác với đệ tử ba thừa chỉ có sáng tỏ Phật nhãn Phật trí. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống dựa theo Phật nói về bổ xứ. Từ “Nếu xét theo v.v...” trở xuống kết luận quán trí. Nếu đối với Tam Tạng nói về con người Quán Âm thì tướng đó như vậy. Ba là phân biệt, có hai: Đầu tiên phân biệt siêu kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi - Một vượt lên trên chín kiếp: Bà Sa chép: “Lúc bấy giờ có Đức Phật, hiệu là Đề Sa, có hai đệ tử, một tên gọi Thích Ca, vui mừng tu hạnh lợi tha đã thay đổi cơ duyên thành thực trước, hai gọi là Từ thị, ưa thích tu hạnh tự lợi đã thay đổi cơ duyên thuộc về sau. Đức Phật ấy nghĩ: Cự tuyệt nhiều người thành tựu một người thì khó, cự tuyệt một người thành tựu nhiều người thì dễ. Vì muốn khiến cho Thích Ca thành đạo trước, liền bỏ hai đệ tử đi vào đến giữa núi, thì Bồ-tát Thích Ca theo sau đi vào núi, tìm cầu Bồn sư không thấy dấu vết. đi tiếp thẳng tới, bỗng nhiên nhìn thấy Đức Phật ấy đang trong Bảo khám, nhập Hoả giới định, uy quang to lớn trang nghiêm tốt đẹp lạ kỳ hơn bình thường. Kế đi đến nhắc một chân lên trải qua bảy ngày, nói ra một bài kệ khen ngợi đức Thế tôn ấy: Trời đất cõi này là thất Đa Văn tức là thất của Thiên Vương Đa Văn ở phía Bắc, Thệ cung cõi trời mười phương không có (Thệ cung chính là cung Phạm Vương. Ngoại đạo nghĩ rằng cung ấy là thường còn, Phật vì thế phá bỏ cung ấy, nên gọi là Thệ cung), trâu chúa trượng phu bậc Đại Sa-môn, tìm nơi núi rừng khắp không sánh bằng. Vì vậy tinh tiến vượt qua chín kiếp, thành Phật còn trước Di-lặc”. Hai là trả lời: Phát sa và Đề sa tiếng phạn chịu để chú âm (xa thiết) mà thôi. Di-lặc gặp Phật chần chẫn có vượt qua trên kiếp, e rằng văn Phạm chưa nói đến. Hai là phân biệt trăm kiếp, có hai: Thứ nhất hỏi. Hai là trả lời. Trì giữ pháp môn: Nếu tùy theo vận dụng thực hành đối với pháp môn sáu độ, thì cần phải trăm kiếp. Đây là căn cứ vào đường lối thông thường của lý số mà nói. Nếu công lao tinh tiến gấp bội, cũng đâu hạn cuộc ở tại thời phần. Thứ hai Thông giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Nhân vị ba thừa cùng nhau có thể bỏ qua ngôn từ khế hợp chân đế, cùng nhau dứt trừ kiến ái cho nên nhận được tên gọi chung. Nhưng có lợi căn thông suốt đi vào giáo sau, nay phân chia bốn tướng tạm thời thuận theo độn mà giải thích, Bồ-tát giáo trước đến quả mới đoạn, ba thừa không thông suốt vậy. Từ “Việc này v.v...” trở xuống là giải thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên gạt bỏ Tam Tạng nói về hạnh vị có hai: Trước tiên đối chiếu sự độ hiển bày Không hạnh, có ba: Thứ nhất gạt bỏ sự chẳng phải độ. Đại luận bác bỏ Bồ-tát Tam tạng nói.

“Đầy đủ ba độc, vì sao có thể nhóm hợp vô lượng công đức? Ví như bình độc tuy chứa đựng cam lồ nhưng ăn đều trúng thực, Bồ-tát tu các công đức thuần tịnh, mới được thành Phật. Nếu lẫn lộn ba độc, vì sao có thể đầy đủ pháp môn thanh tịnh? Thân của Bồ-tát giống như đồ dùng độc hại, đầy đủ phiền não gọi là có độc, tu tập Phật pháp như chứa đựng cam lồ, pháp này dạy dỗ người khác khiến cho người khác mất đi tính mạng thường trú. Bồ thí (đàn) có ba phẩm, đó là mạng thượng - thân trung - tài hạ. Cắt thân thể đổi chim bồ câu hãy còn là xả bỏ bậc trung, đã không hiểu rõ không thì làm sao đến được bờ bên kia? Từ “Không thấy v.v...” trở xuống nói về không trở thành Hạnh. Bồ thí vốn chứa trì keo kiệt - keo kiệt không thể đạt được, ba sự việc đã không thì tướng bố thí không tồn tại, năng sở đã tiêu tan thì chân không hiện tiền, là chân thật đàn độ. Năm độ dưới năng sở đều không, vậy thì gọi là đạo tướng không hai, dùng không tuệ này gột sạch hai chấp sanh- pháp, do đó làm cho các hành xứng hợp với lý thành tựu trọn vẹn. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống bác bỏ hạn định ba kỳ. Không tâm lập hạnh đời kiếp dài lâu quên hết vất vả, gồm thâu vô lượng chúng sanh trải qua vô lượng kiếp, sao có thể hạn định ba A-tăng-kỳ? Vì dừng lại phát triển cơ cần phải phá trừ Tam Tạng, không phải là hủy bỏ giáo kia tiếp nhận vật. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống dựa theo dứt kiết mà nói về địa vị giống nhau, có hai: Đầu tiên khai triển môn hạnh vị, có hai: Thứ nhất là hạnh dứt kiết. Tiếng Phạn nói Tát-bà-nhã, ở đây nói Nhất-thiết-trí, phát tâm tương ứng cùng với không trí này, tức là có thể đoạn kiến và phá bỏ tư duy, chính là vô sanh người pháp - pháp duyên từ bi, tự hành hóa tha chứa nhóm công hạnh bổ sung cho nguyện, đều tương ứng cùng với bốn đế vô sanh. Do đó thường trong nhân đoạn kết chứng lý.

Từ “Thì có v.v...” trở xuống đoạn kết vị. Từ “Nếu đem v.v...” trở xuống đối chiếu giai cấp tiểu thừa. Tám nhân địa đối chiếu tám nhãn, nhân ấy là nhãn vậy. Sau thế đệ thứ nhất đến mười sáu sát-na ngang đạo so được với nhãn, hãy còn thuộc về Hiền, đến đạo sánh cùng trí thì gọi là Thánh. Hai địa vị cùng thuộc về vô gián Tam-muội, cho nên dùng mười sáu đối chiếu với tám nhân kiến. Bồ-tát giáo này thuận theo đã phân rõ địa, lưu tập nhuận sanh sử dụng từ bi đạo, cùng với chân không quán cả hai thực hành hóa vật. Trước dứt trừ chánh sử nay tiếp cận hai tập, đến nơi Phật địa, kiến tư tập không còn nên rất ráo chân đế, trần sa tập không còn nên rất ráo Tục đế. Trong địa thứ bảy có dứt trừ có giữ lại, do đó hết mà không biết. Từ “Vì thế v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ tập còn lại để lợi tha. Chánh sử đã hết thì tập không lợi ích chúng

sanh, lấy năng lực của thế nguyện giúp đỡ chúng sanh trong ba cõi. Bởi vì Tạng - Thông giáo đều không bàn nói về thường, thân sanh tử hoàn toàn do hoặc nghiệp, nhị thừa không còn hoặc nghiệp nên không nhận chịu thân sau, Bồ-tát lợi ích vật sợ giống như nhị thừa, cho nên Bồ-tát tạng giáo sử dụng từ bi thế, giúp đỡ cho chánh sử thọ sanh hóa độ mọi vật. Thông giáo đã đoạn chánh sử dùng thế nguyện giúp đỡ tập mà làm nhân của sanh, hết - còn không bao lâu cho nên tựa như làn khói nhỏ bé, đã vì lợi ích cho người mà giữ lại hình thể nơi ba cõi, cho nên xưng danh cảm ứng nhìn thấy thường dứt trừ khổ đau mang lại niềm vui.

Từ “Đây là v.v...” trở xuống kết thúc quán có thể thấy được. Thứ ba là Biệt giáo, có hai: Đầu tiên là nói về giáo tướng, có hai: Thứ nhất nêu ra danh số. Giải thích về Trung đạo cho nên khác với Thông giáo, thứ lớp lần lượt cho nên khác với Viên giáo, vì thế gọi là Biệt. Không giống Bát-nhã không giống nhị thừa, hoàn toàn khác nhau với giáo trước, Viên giáo cũng không giống nhau cho nên chưa phân biệt ở sau, không tên gọi không giống nhau ý quyết định ở đây. Từ “Giáo này v.v...” trở xuống giải thích thích về hành tướng, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp nói về hạnh vị có hai: Thứ nhất trình bày ý thứ lớp. Tuy nói: chúng sanh thấy nghe hiểu biết thể là Phật tánh, mà hoàn toàn khởi lên làm thành hoặc nghiệp của ba loại, cho nên cần phải sử dụng tánh hiểu biết này, quán Không phá trừ Hữu - Quán giả phá trừ không đối đãi hai loại quân bình, mới soi chiếu bốn tánh hiểu biết của Trung đạo, vì thế gọi là phương tiện. Lần lượt hiển bày lý đã vòng quanh nơi này cho nên trải qua trần kiếp, thuận theo tiêu chí ban đầu, lần lượt tu học hằng sa quán trí, phá trừ hằng sa hoặc nghiệp, hiển bày hằng sa tánh đức của Như-lai tạng, cho nên duyên với vô lượng bốn đế mà phát tâm. Từ “Thập tín v.v...” trở xuống trình bày tướng điều phục dứt trừ, có hai: Đầu tiên là pháp: Thập tín duyên với Trung đạo thông suốt điều phục ba hoặc chướng, tâm đang mê đắm vào có, cần phải trước tiên quán xét không để điều phục dứt trừ bốn trụ, mới loại bỏ dính mắc nơi có. Lại mê đắm thiên về không cho nên quán xét thuốc, bệnh của sáu cõi giới, thành tựu thể phân thành tám môn đạo chủng, lại quán xét nhân duyên hoặc trí của bốn thánh, vô lượng vô tác tám môn đạo chủng. Hai quán đã thành tựu cho nên soi chiếu Trung đạo, lúc này ba quán chỉ thuộc về một tâm, gọi là Biệt giáo hướng về Viên giáo tu pháp này rồi. Hai là dụ: Viên giáo ví như chế biến sắt thép làm ra đồ dùng, Biệt giáo dụ cho đốt nóng vàng làm thành vật dụng. Chế biến nghĩa là nấu vàng, đổ khuôn thuần phác lập tức dung hợp, các thô cận cấu bản tùy đó vận dụng rất

lại trước tiên. Thiêu nghĩa là rèn đúc, thể của vật hãy còn kiên trì cần phải trừ bỏ bụi đất thô kệch đầu tiên, sau đó điều hòa vàng để loại bỏ cái bản nhỏ nhặt. Viên quán lập tức cùng tận pháp giới, không có ý định trước tiên quán xét hai đế, hai hoặc nghiệp tùy theo vận dụng rơi rụng đầu tiên. Biệt quán lần lượt hiển bày Trung đạo, có ý định trước hết quán xét hai đế, cho nên làm cho hai hoặc chướng loại trừ đầu tiên. Từ “Bồ-tát này v.v...” trở xuống là kỳ hạn chân ứng để lợi ích cho vật, ban đầu tuy lần lượt tu nhưng về sau có thể trọn vẹn ứng. Từ “Đây là v.v...” trở xuống là kết thúc về quán trí.

Hỏi: Biệt giáo hướng về Viên giáo tu tập, sao chỉ kết luận là đưa ra trí của giả quán?

Đáp: Vì sau được tên gọi, vì dựa theo giáo đạo. Như Phụ hành chép: “Một giáo trước sau tuy có đủ ba đế, nếu đi vào chứng đạo không trở lại gọi là Biệt, vì thế cho nên Biệt giáo chỉ nằm ở Giả. Thứ tư là Viên giáo, có hai: Đầu tiên dựa theo hạnh vị là nói về Viên, có hai: Trước tiên mở rộng chỉ ra tướng, có hai: Thứ nhất chính là giải thích hạnh vị, có hai: Một là dựa theo pháp chỉ ra tướng, có hai: Đầu là giáo thuyết lý. Nói tất cả các pháp đều là Trung đạo, một sắc một tâm một nhiễm một tịnh, đều có đủ ba ngàn toàn bộ chẳng phải Không - Giả, chẳng phải nội tức là chẳng phải tánh, toàn bộ tánh trở thành tu; chẳng phải ngoại tức là chẳng phải tu, vì toàn bộ tu thuộc về tánh. Đã mất hai không - giả đó, tu tánh đều dứt, thì nghĩa của Trung đạo hiển bày rồi. hai từ “Quán mười v.v...” trở xuống là giáo thuyết quán, có hai: Đầu tiên chính là nêu ra, có hai: Trước tiên nói về tu quán, có hai: Thứ nhất đối cảnh nêu ra quán. Pháp mà giáo giải thích làm cho sinh ra diệu giải, nay dựa vào diệu giải mà Tu-diệu quán, chúng sanh mười cõi giới là cảnh sở quán. Nước, gương ví như tánh đức ba ngàn, bóng trăng dụ cho tu khởi lên ba ngàn, trong ngoài có không đều là tánh chẳng có thật, mà ba ngàn đế rốt ráo tự rõ ràng như vậy. Từ “Quán trí v.v...” trở xuống là dựa vào quán nói về đế. Đây là quán vô duyên soi chiếu đế vô tướng, dùng đế vô tướng phát ra quán vô duyên, đế và quán là tên gọi khác nhau mà thể đó vốn đồng nhau, vì thế cho nên năng sở là hai, tức chẳng phải hai. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống nói về chứng đế giải thích, có hai: Đầu tiên chứng tướng phát tâm. Nếu phát ra chân tâm tương tự tâm - quán tâm và danh tự tâm, tùy theo địa vị dựa vào tức là trình bày ngời nơi đạo tràng chuyển pháp luân hóa độ chúng sanh, vì thế kinh Phật tạng chép: “Trong thân chúng sanh đã có Như-lai ngời kiết già. “Lý tức hãy còn như vậy huống gì địa vị trong tu? Từ “Liên ở v.v...” trở

xuống là đức của sơ phát tâm. Từ “Vào Thập tín v.v...” trở xuống là đi vào địa vị. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là dẫn ra văn khen ngợi, có bốn : Một. kinh này khen ngợi chân thật. Hai. Đại phẩm khen ngợi pháp đầy đủ. Ba. Niết-bàn khen ngợi sơ tâm. Bốn là Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là các văn khen ngợi nhân - trí, có hai: Đầu tiên dựa theo kinh này nêu ra chung. Khai thị ngộ nhập đều là tri kiến Phật. Cảnh đã thấy biết đã đầy đủ trăm cõi, nghiệm xét khả năng thấy biết tức là ba trí, năm mắt, từ trội hơn hẳn gọi là Nhất, như biển có đủ các dòng chảy. Hai là dẫn ra hai văn tách biệt giải thích, có hai: Một là Đại luận nói về trí. nói là mười trí, là thế trí - tha tâm - khổ - tập - diệt - đạo - pháp - tử - tận - vô sanh. Mười trí như vậy thông suốt đối với Tam tạng - Tam thừa, chỉ riêng trí như thật thuộc về Diễn giáo. Nay chỉ chứng Viên. Từ “Mắt cũng v.v...” trở xuống là Đại kinh nói về mắt. Đã thấy thô sắc, tức là Phật tánh có đủ tất cả các pháp, tức là quán hành năm mắt từ vượt hơn nhất gọi là Phật nhãn, Nhục nhãn kiến tánh, tốt bằng Phật nhãn, tuệ nhãn kiến không nghiêng lệch kém như nhục nhãn. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống bao gồm nói về người - pháp, có hai “Một là nêu ra sáu cặp Viên. Từ “Dùng không thiếu.” trở xuống là nói hai lợi ích của kinh. Tam điểm Niết-bàn: Đại kinh chép: “Tạng bí mật giống như ba điểm của chữ Y, nếu song song thì không thành Y, dọc cũng không thành. Như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới thành Y - ngã cũng như vậy. Pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân của Như-lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Đây chính là ba đức tức một mà ba, gọi là đại Niết-bàn”. Hai là từ “Đó gọi là v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục như văn.

Hai lần hỏi đáp hiển bày Diệu, có ba: đầu tiên nói về vô duyên ban cho và dứt trừ, có hai : Một là căn cứ vào Trung đại trở ngại đến Từ, để hỏi. Hai là dựa vào Tịnh danh thành tựu Từ để trả lời. Phẩm Quán chúng sanh trong văn kinh Thù Vấn Duy ma cật nói: “Tại vì sao quán xét đối với chúng sanh? Duy Ma chép: Ví như nhà ảo thuật thấy những huyễn nhân, như người trí thấy trăng trong nước, như trong gương thấy những hình tượng trước mặt đó. Văn Thù nói: Nếu Bồ-tát thực hiện quán sát-này, làm sao hành từ? Duy Ma nói: Bồ-tát thực hiện quán sát-này rồi, tự nghĩ rằng mình nên vì chúng sanh giải thích như pháp này tức là chân thật từ”. Phẩm kia đã là thông suốt tướng, từ giả đi vào không thấy thấu suốt ba đế tức là Trung đạo vô duyên ban cho và dứt trừ. Hai là nói về Trung đạo kiến lập, có hai: một là dựa theo cả hai “chẳng

phải” đều phá bỏ để hỏi: Hai là nói về Trung đạo thành lập biến khắp để trả lời, có hai: Đầu tiên nói về Trung đạo có thể lập ra bốn đế, Tam bảo thiên - viên, có hai: Thứ nhất sơ lược chỉ ra lỗi mê mờ Trung đạo. Bốn giáo bốn đế là tướng quyền - thật, đều dựa vào Trung đạo chẳng phải quyền chẳng phải thật, mà được kiến lập. Nay đã mê muội điều này thì tất cả đều sai. Từ “Nếu rõ v.v...” trở xuống là rộng rãi nêu rõ hai đức của Trung đạo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thứ bốn đế duy tâm, lý mười loại pháp giới quên mất danh ngôn, gọi là Trung đạo. Đạt được lý này cho nên mới lập bày giáo quyền thật, mười pháp giới dung thông thì nói ấy gọi là Viên, mười pháp giới lần lượt thứ lớp nói ra thì gọi là Biệt, sáu pháp giới vô sanh thuyết gọi là Thông, sáu pháp giới sanh diệt thuyết gọi là Tạng. Bốn giáo này đều nói về bốn đế. Nếu nhận thức Trung đạo thì các pháp đều dung, cho nên đối với một tâm có đủ bốn thứ bốn đế. Từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là giải thích nhất thể tam bảo có đủ tiệm, chia làm hai: Đầu tiên dựa theo Viên quán trình bày Tam bảo. Phật chỉ cả cặp chẳng phải (Song phi) ấy là tạm thời thuận theo sơ lược nêu ra. Ngăn che chắc chắn có đủ ba trí viên giác soi chiếu, mới gọi là Phật bảo. Dùng pháp ba đế nói lên Phật không đơn độc. Trong Tăng Bảo nói: “Lý sự hòa ấy là, pháp ba đế trên tánh vốn viên dung, gọi đó là Lý; tùy theo tình sai khác gọi đó là sự. Thật tướng tuệ của Phật có đủ quyền thật, thật tuệ hòa hợp lý có thể nói ra Viên pháp, quyền tuệ hòa hợp sự có thể nói ra Thiên pháp”. Do đó văn cú nói về pháp dụng phương tiện chép: “Trí đến chỗ quy định dễ dàng sử dụng Viên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh như chỗ hoàn bị và chỉ tay, mắt nhìn. Trí đến nơi phép tắc dễ dàng sử dụng thiên pháp, lưu lại thông hiểu chúng sanh, như chỗ thiên hẹp và chỉ tay, mắt nhìn. Nói sự hòa tức là có ba giáo trước: quyền tuệ thuận theo tình soi chiếu để sai khác, tức là nói về thứ lớp ba đế của Biệt giáo, hoặc nói Tạng - Thông tức là xa lìa hai đế, mới có thể có người thực hành ba giáo, vâng theo pháp tu hành trở thành Tăng Bảo của ba giáo. Nếu thật tuệ đó hòa hợp tùy theo trí, đế, tức là nói ba đế không thứ lớp, mới có thể có người thực hành đốn tu, vâng theo pháp trở thành tăng của nhân quả Viên giáo. Không chỉ khiến cho người theo giáo thành Tăng, mà còn trở thành người thực hành Thiên - Viên, tu tập trở thành Tăng Bảo.

Hỏi : Bốn mươi hai địa vị, từ Đẳng Giác đến hợp lại xếp vào là tăng, Diệu giác là Phật, vì sao nhân quả đều gọi là tăng?

Đáp: Biệt tướng Tam Bảo chính là lấy nhân quả mà làm Tăng - Phật, nay nói về Nhất thể, một người một niệm đầy đủ Tam bảo, bốn

mười hai địa vị, bảo trí của từng địa vị sâu kín ở tại pháp tánh, đều gọi là Nhị bảo, ứng thân từng địa vị một đều gọi là Tăng Bảo. Cho nên Diệu Giác thích ứng nhất có khả năng thống lý đại chúng ba cõi. Thế nên Tăng Bảo thành tựu rất ráo. Nếu có thể khéo nhận thức Nhất Thế Tam Bảo, thì mặc ý chuyển vận có thể đầy đủ ý nghĩa Tam Bảo trong các giáo Tiệm, để thường hòa hợp đối với sự lý ba đế. Từ “Cho nên, Đại kinh v.v...” trở xuống dẫn ra mặt trăng đáng yêu để trình bày tăng tướng, có hai: Đầu tiên căn cứ vào văn kinh nói về trí - đoạn các Địa, có hai: Trước chính là dẫn ra Niết-bàn, có hai: Thứ nhất tất cả thí dụ các địa, có hai: Một là thuận theo dụ cho trắng - đen nói về thêm bớt, có hai: Đầu tiên đưa ra ánh sáng mặt trăng ví dụ, ánh trăng sáng tỏ thêm lên dụ cho phát trí, ánh trăng tối mờ giảm xuống dụ cho dứt hoặc, dụ tuy trước sau nhưng pháp chính là đồng thời. Từ “Tánh của Tăng v.v...” trở xuống theo Thế Dụng kết hợp, thật tướng thì nhân quả không hai, trí - đoạn thì thêm bớt có khác, các pháp không sanh các pháp không diệt, Tam thiên không có thay đổi. Phiền não diệt đi Bát-nhã sanh ra, vô minh lập tức sáng tỏ. Đại kinh v.v... vì thế vô minh là hiểu rõ ưu việt, cho nên cũng gọi là Minh. Từ “Như vậy v.v...” trở xuống dựa theo pháp từng địa một nói về trí - đoạn, bỏ dụ theo pháp nói về bốn mươi địa, mỗi trí đoạn cho nên nói đều có đủ. Từ “Nếu ngày rằm v.v...” trở xuống là đối chiếu riêng các địa, có hai: Một là dùng cuối tháng, giữa tháng (hồi vọng) đối chiếu Diệu Giác, trăng giữa tháng để dụ cho lý thể - trí đức của Diệu Giác cả hai đều tròn đầy cùng cực, cho nên lại nói là Bất sanh; trăng cuối tháng dụ cho Diệu giác chỉ phần đầu tương ứng mà cả hai trí đều rất ráo tận cùng, cho nên lại nói là Bất diệt. Từ “Ba ngày đầu tháng v.v...” trở xuống dựa theo khai hợp đối chiếu các địa. Hợp trước khai sau, cho nên đối chiếu mười lăm bốn mươi hai, ba ngày đầu trong này tức là có tối - sáng hai lần ba ngày đầu, cho đến mười lăm cũng giống như vậy. Từ “vua cõi người v.v...” trở xuống ví dụ về các Bát-nhã, chỉ nói về nhân vị cho nên đối chiếu mười bốn với bốn mươi một địa, trong từng địa một có đủ ba Bát-nhã. Từ “Như đây v.v...” trở xuống kết thúc Tăng thật sự lập nên tất cả nhân quả. Nếu hòa hợp với lý Trung đạo, thì chắc chắn hòa hợp cùng với sự của ba giáo, vậy thì quyền thật y cứ vào quả đều do Trung đạo, chính là phá trừ bốn đế Tam bảo tiệm đốn, có hai: Đầu tiên nêu ra được trước mất sau, Tam bảo bốn giáo và bốn thứ bốn đế, chỉ dựa vào hai loại Trung đạo mà thành lập. Tạng - Thông dựa vào xa lìa đoạn - thường Trung đạo Biệt - Viên dựa vào Phật tánh Trung đạo, tất cả có ngay trong - xa lìa cho nên thành bốn giáo. Ngoại

đạo chấp đoạn - thường đều mê mờ hai chấp này, cho nên mất đi bốn đế Tam bảo của bốn giáo. Ba giáo được mất tại văn có thể thấy. Từ “Truyền truyền v.v...” trở xuống là nói trước nhiều sau ít. Hai là dùng quyền bày thật, có hai: Đầu tiên là dựa theo Viên giáo giải thích phế bỏ tiệm để hỏi. Hai là dựa theo quyền có thể hiển bày thật để trả lời, có hai: Đầu tiên bày ra Tiệm hiển bày Viên, có hai: Thứ nhất dùng quán thí dụ giáo, quán đã theo thứ lớp hiển bày đối với không thứ lớp, giáo cũng dùng ba hiển bày một viên, lợi căn có thể trực tiếp bàn luận, độn căn nên từng bước hiển bày, nay hoặc bốn nói lợi, độn không bỏ sót. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống lấy ba hiển bày Viên, có hai: Đầu tiên nêu ra thành lập ba ý. Từ “Tuy nói v.v...” trở xuống dẫn ra văn chứng minh để giải thích. Trong các pháp sâu khác: Tạng - Thông là pháp khác mà không sâu, Viên giáo sâu sắc mà không khác, Biệt giáo cũng khác cũng sâu sắc, cho nên đem pháp chỉ riêng khác cho đến cả hai cũng giúp hiển bày chỉ riêng, sâu sắc. Lộng dẫn: Dẫn khứ thanh, nghĩa là trước kia quanh co sẽ có lối dẫn ra. Nói khai “không” pháp đạo: Nghĩa là ba giáo trước là mở đường thông đến pháp đạo “không” của Viên giáo. Từ “Nếu nhập v.v...” trở xuống là thu quyền về thật, có hai: Đầu tiên phế bỏ ba lập nên Viên giáo. Trước là vì thật lập bày quyền, nay nói về bỏ quyền lập nên thật, pháp ba đời mười phương đều như vậy. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là quên dứt nói năng, kế hợp lý. Nương ngôn ngữ hiển bày lý - từ thiên đi vào Viên, quyền sai thật đúng. Sợ rằng sai ý thì đúng sai không dứt, cho nên dùng cặp phi bất dứt nghĩ bàn đó. Quyền đã không sanh thì thật cũng không sanh, do đó hai không sanh khởi rõ ràng đối với diệu khế. Nên biết đây lập nên chẳng phải quyền chẳng phải thật này, chỉ loại bỏ đối với tình của chấp trước ngôn ngữ, các lý khế ngộ đó đường lối không hề khác nhau, chớ cho rằng lý cả hai chẳng phải vượt qua một thật, hai quán tâm nói về hai loại quán.

Hỏi: Trên trình bày các giáo chẳng qua là đối cảnh lập ra so với quán môn, huống chi lại dựa theo cảnh quán của Viên giáo đều là diệu, tại vì sao đến đây lại nói về quán tâm?

Đáp: Trên vì giải thích tên gọi Quán Thế Âm, cho nên dựa theo bốn giáo trình bày đối với quán pháp, đã là Quán Thế Âm, thì chính là dùng chúng sanh khác mà làm cảnh quán. Tâm - Phật - chúng sanh tuy không sai khác, mà cảnh của chúng sanh - Phật cao rộng khó quán sát, nếu dựa vào cảnh của tâm gần kề mà dễ dàng soi chiếu. Tức là đương cơ thời Phật tại thế thuận theo nghe mà ngộ nhập, cảnh không có xa gần. Sau khi Phật diệt độ người sơ học tu quán đòi hỏi phải tập luyện

khó thuận theo dễ, cho nên nay các bộ dựa theo giáo giải thích Trung đạo, dù cho bản thân sáng tỏ về quán, mà sau cần phải lại lập nên một khoa quán tâm. Lại nữa, chúng sanh khác không ra khỏi tâm tánh, nếu quán sát tự tâm, thì có thể thấy rõ chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên biết trước quán tâm thành tựu thì dựa vào giáo quán sát Thế Âm. Nay chỉ ra quán tâm ý đó sơ lược như vậy. Trước là nêu lên. Kế là từ “Nói về tâm v.v...” trở xuống là chỉ ra, có hai: Đầu tiên dựa theo nguồn tâm vốn không có cảnh quán, có hai: Thứ nhất là nói vốn không có tâm cảnh, có hai: Một là nói về tánh dứt trăm phi. Nguồn tâm vốn tịnh v.v... ấy là chỉ có tâm hiện tiền đương xứ tức trung, gọi đó là nguồn, xa lia tất cả các tướng gọi là vốn tịnh. Từ “Vô vi v.v...” trở xuống là bày ra tướng đã xa lia, đã là như vậy thì làm sao lập nên tâm cảnh? Từ “Tuy là v.v...” trở xuống là nói tâm chẳng phải là bốn vận dụng, hãy còn không thể dùng tri giác mà cầu, chẳng lẽ có thể dùng sanh diệt mà đạt được hay sao? Thế nên không thể lập tâm làm cảnh. Từ “Đâu có thể v.v...” trở xuống là nói dừng sắp bày pháp quán, có ba: Một là pháp - tâm cảnh vốn không có thì quán hướng về đâu mà lập ra. Từ “Cũng như v.v...” trở xuống là dụ, không thể so sánh gượng gạo dựa vào hư không. Ba là từ đây trở xuống kết hợp. Từ “Có nhân duyên v.v...” trở xuống do duyên cảm cần phải lập nên quán tâm có hai: Một là do duyên lập tâm - có mười nhân duyên để tu chứng: Trong không năng sở lập nên cảnh sở quán. Từ “Đã có v.v...” trở xuống căn cứ vào tâm lập nên quán, có hai: Đầu tiên sơ lược lập nên, có ba: Một là pháp. Hai là dụ. ba là hợp. Từ “Nếu thực hiện v.v...” trở xuống là đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên nêu ta Tiệm quán, tuy trình bày hai quán mà hai ý thuộc về Viên giáo, cho nên quán thứ lớp sơ lược chỉ ra mà thôi. Từ “Nếu quán v.v...” trở xuống nêu ra đốn quán, có hai: Đầu tiên trình bày toàn tánh thành tu, có hai: Trước tiên dựa vào pháp thẳng thắn trình bày, có hai: Thứ nhất nêu ra, có hai: Một là đối với một niệm quán tánh ba nhân ba đế chính là chánh nhân, ba quán tức là liễu nhân, tất cả các pháp tức là duyên nhân, có đủ chánh nhân của duyên liễu gọi là ba đế, có đủ liễu nhân của chánh duyên gọi là ba quán, có đủ duyên nhân của chánh liễu gọi là tất cả các pháp. Vì thế Đại kinh nói: “Pháp thân cũng chẳng phải, Bát-nhã cũng chẳng phải, giải thoát cũng chẳng phải. Ba pháp này đưa ra một tức là ba - ba tức là một, chẳng phải dọc chẳng phải ngang cùng ở tại một niệm. Từ “Mười pháp v.v...” trở xuống là quán xét ngàn pháp đều có ba đế, bởi vì ngàn pháp đó đều là nhân duyên sanh, cho nên hướng đến đưa ra một tánh tướng không thể đạt được nên Không, duyên khởi

rõ ràng nên Giả, tánh tuyệt dứt đối đãi nên Trung, một pháp đã vậy thì ngàn pháp đều như thế. Người học cần phải biết rằng ngàn loại ba đế chỉ có một ba đế, nói ngàn chẳng phân tán nói một chẳng hợp lại. Bởi vì viên dung cho nên ngàn pháp đều được ba đế toàn phần. Bởi lẽ do Thể của ba đế là ba đức, gọi là Bí mật tạng, tất cả các pháp không ra ngoài Tạng này, toàn thể tạng này hòa nhập khắp cả các pháp, như vàng thật ở thế gian có đủ sắc màu chói lọi, có đủ năng lực chuyển biến - có đủ tánh chẳng thể thay đổi. Nếu trở thành sư tử, thì toàn bộ lấy các sắc làm đầu làm đuôi làm thành ngực - lưng - bốn chân - răng - móng và các lông, há có một nơi không có đủ ba loại các sắc chẳng? Ba loại này há có thể tạm thời phân cách ư? Đạt được ý dụ này thì đối với ngàn loại ba đế, không khởi lên suy nghĩ một - nhiều của hợp lại hay phân tán. Hơn nữa, ngàn pháp này tạm thời chung sơ lược mà nói, rộng ra thì ba ngàn đều nhất nhất ba đế. Vì thế Kinh Khê nói: “Ba ngàn tức là liễu nhân tánh không, ba ngàn tức là duyên nhân tánh giả, ba ngàn chính là chánh nhân tánh trung”. Tâm pháp đã như vậy, thì ba ngàn chúng sanh - ba ngàn chư Phật đồng nhất bí tạng, vì thế cho nên mỗi mỗi đều đầy đủ ba đế. Những pháp môn này cùng ở nơi một niệm. Từ “Đây tức v. v...” trở xuống là kết luận. Ngay nơi quán không thứ lớp ấy là, cảnh không thể nghĩ bàn thì cảnh tức là quán, nếu cảnh tự nó là cảnh thì lại khởi lên quán trí, để soi chiếu cảnh này. Đây chính là biệt tu không phải hành tánh đức, cho nên chỉ quán mười thừa là quán sát biệt tướng, ba ngàn Không - Giả - Trung là quán sát tổng thể. Lấy đây làm diệu cảnh, lấy đây để phát tâm, lấy đây an tâm đó, lấy đây có thể phá bỏ khắp nơi, lấy đây thông suốt cửa ải mê đắm, lấy đây điều hòa đạo phẩm, lấy đây hợp lại trợ đạo. Dựa vào đây nói về thứ lớp địa vị, lấy đây chịu đựng duyên khác, lấy đây xa lìa tương tự ái, ngoài đây ra không có hạnh - ngoài đây ra không có quả, bởi vì lấy lý của đế làm diệu hành, cho nên sau khi chỉ ra ngàn loại ba đế, thì nói rằng đây chính là không thứ lớp quán. Từ “Hoa nghiêm v.v...” trở xuống là dựa vào kinh đích thực nêu ra, có hai: Đầu tiên dẫn ra kinh nêu ra quán, có hai: Thứ nhất trình bày tâm tạo ra tất cả. Mười loại thế gian đều trú nơi chân pháp, chân pháp vô ngại cho nên mười lại dung thông lẫn nhau, dung thông cho nên trăm cõi giới ngàn pháp đầy đủ. Lý này đầy đủ đã có nghĩa tạo, do lý tạo cho nên mới có sự tạo, vì thế một lời tâm tạo chính là hai tạo vậy. Từ “Nếu quán v.v...” trở xuống là quán tất cả đều là ba. Lý tạo sự tạo đều nói về tất cả, sơ lược thì ngàn pháp, mở rộng thì ba ngàn. Nếu quán tâm không thì lý sự ba ngàn không có gì không thể không, quán tâm Giả - Trung thì

Lý sự ba ngàn không có gì không là Giả - Trung. Đã ba ngàn không thì không tức là ba quán, cả ba đều thường phá bỏ cho nên chung nói là không. Quán ba ngàn Giả thì Giả tức là ba quán, bởi vì đều lập ra cho nên toàn bộ nói là giả. Quán ba ngàn Trung thì Trung tức là ba quán, bởi vì đều tuyệt đãi cho nên chung quy nói là Trung. Đây chính là ba đức - ba đức - ba ngàn vậy. Từ “Như thế..” trở xuống là kết luận pháp quy về tâm. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống chỉ ra Tu-là Phật, có hai: Đầu tiên mở rộng dẫn ra văn kinh, có hai: Trước tiên dẫn chứng ngang nhau với Phật, có ba: Một là dựa theo Đại kinh quán sát duyên được Phật. Mười như tức là mười hai nhân duyên, nay quán ngay nơi tánh cho nên thấy ba ngàn tức Không - Giả - Trung, gọi là thượng thượng trí, sơ tâm tu như đây tức gọi là được Phật. Hai là dẫn Kinh Tịnh danh quán các thân Phật, quán cảnh tuy khác mà thật tướng há khác nhau, do đó có thể quán quả Phật ấy từ những thân tâm. Ba là dẫn ra tâm - Phật không sai khác trong Hoa Nghiêm, như trước đích thực đã nói. Từ “Nếu làm...” trở xuống dựa theo kinh khen ngợi quán, có hai: Thứ nhất khen ngợi chánh quán, quán khác so với đây đều biết thiên lệch, Ca diếp chưa nghe trở về trước đều là tà kiến. Từ “Liên khai v.v...” trở xuống khen ngợi là Phật, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nay tông phái giải thích bốn cách: Một - Đây đủ bốn địa vị Trú - Hạnh - Hương - Địa. Hai - Đây đủ bốn trí gọi là đạo tuệ tức là rốt ráo không, hai là đạo chủng tuệ chẳng thể nghĩ bàn Giả, ba là Nhất-thiết-trí song già Trung đạo, bốn là nhất thiết chủng trí song chiếu Trung đạo. Ba. Đây đủ bốn môn, tức là Không, Hữu môn bất tư nghì cả hai phi và cùng. Bốn: Bốn quán viên mãn tức là ba quán đều không, ba quán đều Giả, tức ba mà một - tức một mà ba, đều như dưới đây đối chiếu khai thị ngộ nhập. Bốn địa vị theo chiều dọc mà luận ba phần còn lại theo chiều ngang mà giải thích, do đó biết khai thị ngộ nhập v.v... thông suốt cạn thông suốt sâu. Chỗ ngồi - nhà ở - y phục (tòa- thất - y) cả ba đều gọi là Như-lai ấy, bởi vì sử dụng quả pháp để hành vậy. Địa vị tuy cao thấp mà cảnh quán không thể khác nhau, vì thế cho nên bốn oai nghi đều cần phải xây dựng tháp. Từ “Như đây v.v...” trở xuống là kết thành Phật pháp, không phải vốn trình bày khó vượt qua chín cõi giới. Ba là nói về Phổ Môn, có hai: Một khai chương. Hai. Tùy giải thích, có hai: Đầu tiên theo cách chung nói về môn, có hai: Thứ nhất liệt ra. Hai là giải thích, có sáu: đầu tiên sơ lược liệt ra tên gọi về Môn, có ba: Một từ “Liệt kê môn v.v...” trở xuống tất cả dựa theo dụ biểu hiện. Hai từ “Phàm phu thấp kém v.v...” trở xuống tách biệt dựa theo pháp nêu ra, có hai: Đầu

tiên là thế gian, có hai: Một là nêu ra các môn. Ngoại đạo chỉ riêng thế gian cho nên thông đến hoặc khổ, hoặc tức là Tập. Ái trước vào thường lạc ngã tịnh của ba cõi, cho nên nói là bốn Đảo. Kiến hoặc tuy nhiều, mà không ra ngoài có - không cho đến một - khác, tất cả chấp vào bốn câu. Từ “Thiện ác v.v...” trở xuống tóm lại nói đều trở về sanh tử. Hai từ “Nếu đem v.v...” trở xuống là Phật pháp môn, có hai: Đầu tiên nêu ta tất cả năng sở của bốn giáo, thông suốt chân hàm chứa Trung đạo, độn căn đi vào hóa thành thấy không là chân, lợi căn thấu đạt thường trú thấy Trung là chân. Hai từ “Đây thì v.v...” trở xuống trình bày bốn thứ có, đối với giáo quán. Đại Bản Huyền nói: “Nếu đối với một giáo dùng bốn câu diễn lý, tức là bốn môn, bốn - bốn hợp lại là mười sáu môn. Nếu lấy hạnh làm Môn, thì vâng theo giáo tu quán nhờ suy tư được hội nhập, tức là lấy hạnh làm Môn. Dựa vào giáo phát chân thì lấy giáo làm Môn. Nếu lần đầu nghe giáo như ngựa nhanh nhìn thấy bóng roi, lập tức đi vào đường thẳng; không cần phải tu quán như dựa vào ánh sáng điện liền được thấy đạo, không cần giáo nữa. Hoàn toàn là xưa kia thiện căn luyện tập đã thành thực, nay ở tại giáo môn đạt được đạo gọi là Tín hành, ở tại quán môn đạt được đạo gọi là Pháp hành. Từ “Năng thông v.v...” trở xuống rộng rãi chỉ ra Đại bốn.

Từ “Hai là chỉ cho tướng Môn v.v...” trở xuống là nêu ra tướng Môn, có bốn: Một là Tam tạng: Tục đã thật có thì “không tức” là chân đế, cho nên ở tại Tục đế nói về bốn thứ môn. Bởi vì thông suốt đối với lý, giả nhân không thể đạt được bốn môn này như nhau, chỉ dựa vào năm ấm phân biệt bốn tướng. Thật pháp vô thường là quán hữu môn, ba giả phù hư là quán không môn. Hai môn cùng sử dụng thông dong mà tu, là cũng hai môn quán. Xa lìa tướng không, có bật ngôn ngữ mà tu, là song phi môn quán. Tùy theo thành tựu bất cứ một quán nào đều được thông hiểu chân. Hai là Thông giáo: Hai đế tức nhau bốn môn không tranh cãi, hoặc quán huyễn có hoặc quán huyễn không, hoặc quán cả cặp còn hoặc quán cả cặp mất, chỉ tùy theo căn tánh, dựa vào một môn tu đều được đi vào đạo. Ba là Biệt giáo: Nói là quán Phật tánh ấy, tin tâm phân biệt là căn bản - thể giác tánh là ba đế, căn chậm lụt không biết tánh có chín loại, dẫn đến khiến cho thể của ba đế không hòa hợp tiếp xúc, tùy vâng theo bất cứ một môn nào mà tu quán pháp. Người vâng theo hữu môn, quán tánh bốn giác là chân thiện diệu hữu, như tìm bình lọ bồn chậu bị bóng đêm che lấp, không thể hiện rõ. Mười dụ về Phật tạng đều là ý môn này. Người vâng theo không môn, quán xét bốn giác rất ráo không, vô tướng có thể đạt được. Vì ngã chấp ấy mà không

được nhìn thấy, như cái không của thành Ca-tỳ-la. Thành này vốn là nơi Đức Thích Tôn ra đời, vì sự tàn phá hủy diệt của vua Lưu Ly dòng họ Thích đã không còn mà thành ấp cũng hết không còn, A-nan sầu não, Đức Thế Tôn vui vẻ tự tại. Vì A-nan thưa hỏi, cho nên Đức Phật trả lời rằng: Ông thấy thành Ca-tỳ-la có, Ta thấy thành Ca-tỳ-la là không. Đại Niết-bàn không cũng giống như vậy. Người vâng theo môn cũng là cả hai tức quán tánh bốn giác bất định có hay không, như vàng trong đá người có phước thấy cho nên cũng có, người tội lỗi không thấy cho nên cũng không, có không cả hai chiếu soi có thể chứng nhập. Người bảm thọ cả hai không phải môn, quán tánh bốn giác chẳng thể có hay không mà suy nghĩ nói ra, bật dứt ý niệm mà quán mới có thể khéo tỏ ngộ. Bốn là Viên giáo: Chân thiện diệu hữu và rốt ráo không - Cả hai cùng ngăn cùng chiếu - tên gọi há khác với trước ư? Chỉ vì người khác không biết thể của ba đế là ba đức, không dọc không ngang mỗi mỗi có đủ lẫn nhau, dùng ba đế này làm bốn môn. Vì mất ý này, tùy môn đều hiểu rõ gọi là có bốn cửa bốn. Nay trọn vẹn được ý chỉ, mới đối với bốn môn kia hòa hợp tiếp xúc mà quán, cho nên được gọi là bốn cửa chẳng bốn. Tuy đặt nên hạnh vị mà đều không thể nghĩ bàn.

Từ “kế luận v.v...” trở xuống là nói về quyền thật. nghiêng về chân là quyền - Trung đạo là thật. Năng thuyên năng quán của hai giáo trước gồm mười sáu Môn, sở thuyên sở chứng chỉ thuộc về thiên chân, cho nên đều là quyền: Giáo đạo năng thuyên năng quán của Biệt giáo đều thứ lớp cho nên là quyền. Thấy lý sở thuyên và địa sở chứng dường như trọn vẹn cho nên là thật. Giáo quán của viên giáo, năng thuyên sở thuyên - năng hành chỗ đến trước sau đều trọn vẹn, cho nên đều là thật.

Từ “kế nói về v.v...” trở xuống là nói về Phổ - bất Phổ, có hai: Đầu tiên phạm tiệm không Phổ, hai là Viên môn là Phổ, có hai: Thứ nhất dựa theo pháp thẳng thắn chỉ ra. Pháp của ba ngàn tức Không - Giả - Trung, chính có thể lấy sở thông mà làm năng thông, ngoài Môn không có lý, năng sở đều mất, nghĩa phổ của diệu môn này thành tựu. Từ “Lại v.v...” trở xuống là dẫn kinh giải thích, có hai: Đầu tiên là các kinh viên môn, có hai: Thứ nhất chỉ riêng bốn môn, có ba: Một. Dựa theo hai kinh cùng hướng nói thuộc về Không, có hai: Đầu tiên dẫn ra Tịnh danh, không chuyên dẫn văn, đã bao gồm giải thích nghĩa. Văn kinh đó nói: “Bồ-tát Thiện ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai, nếu thấy tánh sanh tử thì không có sanh tử, không trói buộc không cởi ra không rõ ràng không diệt mất. Người hiểu rõ ràng đúng là đi vào pháp môn không hai”. Sở

kia giải thích rằng: “Sanh tử là trói buộc như vậy, Niết-bàn là cởi bỏ là diệt mất là hai loại. Nay quán tánh sanh tử vốn có thường tịch, vốn tự không trói buộc mà sao nói về cởi thoát? Lại cũng không rõ ràng chẳng lẽ thuận theo diệt hay sao? Đã không rõ ràng, không còn có hai thứ ấy, đây là đi vào phàm Môn Không hai.

Hỏi: Kinh sơ chỉ lấy một của Trung đạo, không ở tại hai của trói buộc - cởi thoát, rõ ràng diệt đi, nay vẫn vì sao lại thêm vào chẳng phải một?

Đáp: Vốn nói là Trung, thể bất dứt đối đãi. Nếu chắc chắn là một nhất định phải đối đãi hai, người khéo nói về Trung thì phải quên Trung. Cho nên, kinh Mật Đà Ma chính là giải thích Trung đạo, mà bởi vì quên Trung nên gọi là Trung đạo. Vì thế tự chú thích: “Mật ấy nghĩa là dừng, chớ, chẳng, không. Đà Ma nghĩa là Trung. Tức là dừng chấp trước Trung đạo”. Lại nữa, nay vẫn lấy kinh ấy, Thiện ý đã bàn luận không hai, để kiến lập viên Không giải thích nghĩa Phổ Môn. Nếu đối với ba đế dứt trừ không hết, chẳng phải là rốt ráo Không, thì đâu thành tựu phổ ư? Cho nên biết bốn thứ dựa vào nghĩa sâu sắc của Trung đạo để, phá dụng tự do, không thể chấp vẫn khó về diệu giải. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống giải thích nghĩa kinh, có hai: Một là căn cứ vào bốn kinh giải thích. Nếu chân không hai thì chắc chắn không còn một; cũng gọi là chẳng có, chẳng không ấy là viên giáo Trung đạo. Trung đạo này có thể phá bỏ hai giáo Tạng - Thông chỉ có Tục chỉ có chân. Vì thế nói chẳng có phá trừ Giả, chẳng không phá trừ Không. Lại phá bỏ Biệt giáo phức Tục mà đơn chân, cho nên nói chẳng phá trừ hai - chẳng không phá trừ một. Bởi lẽ ba giáo trước đều lấy hai để làm ràng buộc - cởi bỏ. Trung đạo Viên giáo thường có đủ ba loại hai để, có đủ cho nên hòa hợp tiếp xúc, chính lấy ngay hòa hợp tiếp xúc phá trừ không hòa hợp, khiến cho thành tựu không hai. Từ “Nếu vậy v.v...” trở xuống là nói thường hòa hợp cũng dứt trừ, tuy nói Trung đạo Viên giáo mà còn thì thành ra đối đãi. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống ví dụ Niết-bàn để giải thích. Trong kinh Tịnh danh thì sanh tử và Niết-bàn không hai, trong Đại Kinh thì vô minh và minh không hai, hai bỏ đi một cũng mất, nghĩa hai kinh phù hợp. Hai bên và Trung đạo đều đã dứt trừ, gọi là Rốt ráo không. Đây chính là dựa theo Không để nói về Phổ môn. Từ “ba mươi v.v...” trở xuống là tìm Môn Tịnh danh, môn có đủ bốn thứ, chia làm hai: Một. Nêu ra một phẩm các Môn, ba mươi một vị Bồ-tát như Diệu Đức - Tịnh Danh, hoặc nói hoặc nín chẳng có gì chẳng phải thật tướng, đương Thể là Môn. Nếu dựa vào văn hiện tại tăng thêm điểm mạnh mà nói, có thể phân chia đối

chiếu bốn môn các không, cho đến Tạng thứ năm không thể nói, đều gọi là Không hai chẳng có gì không phải Phổ Môn. Hai từ “Xét kỹ...” trở xuống nêu ra nghĩa đầy đủ tất cả bốn. Đại sư khéo hiểu rõ hết ý mà cùng cực, thấy mỗi một môn đầy đủ nghĩa bốn môn, như trước đã dẫn sanh tử Niết-bàn. Hai đã tức là Trung - Trung cũng tức là hai, Trung tức là sanh tử gọi là Môn Diệu Hữu, Trung tức là Niết-bàn gọi là Môn Diệu Không, hai tức là Trung đạo - Trung đạo tất nhiên ngăn dứt và soi chiếu, cặp soi chiếu là Môn thứ ba, cặp ngăn dứt tức là Môn thứ tư. Tuy ở tại một môn dựa theo nghĩa mở ra bốn, mà bốn thứ này thấy đều gồm thấu pháp rộng khắp, đều được gọi là Phổ. Còn lại ba mươi Môn đã đều dung hợp hai, mà quy về Không hai đều bốn thứ rõ ràng như thế. Văn thù dùng ngôn ngữ biểu hiện cho vô ngôn, Tịnh danh dùng im lặng làm sáng tỏ vô nói, bởi lẽ chỉ ra Thể của ba đế là bí tạng vốn tuyệt dứt nói năng giải thích. Đã nêu ra ba đế há chẳng phải bốn môn hay sao? Lại do trước ba mươi một vị Bồ-tát, đều từ vô nói biểu hiện rõ ràng bốn môn, từng môn nhiệm màu dứt không thể nói suy, cơ duyên đạt được ý tùy theo những điều đã nghe đó, quên cả danh ngôn mà chứng. Người không được ý đó còn cho rằng có nói, không khế hợp vô sanh. Vì thế hai vị Đại sĩ dùng nói, nín để, hiển bày cái gọi là bốn môn xa lìa sự nói năng, thì khiến cho những cơ duyên của bốn môn kia, đều ở tại Môn đó quên mất ngôn nói mà hướng về lý. Phải hiểu rõ vô nói mang đến cơ duyên bốn môn, công lao đó lớn nhất. Do đó các vị Bồ-tát tuy đều dấy lên lời nói mà không bàn luận một chữ. Tịnh Danh ngậm miệng nói rộng về bốn môn, thế thì lúc nói thường im lặng - lúc im lặng thường nói. Nếu không như vậy, tại vì sao nêu ra đủ ba mươi ba môn, mà nói đều có nghĩa bốn môn? Chẳng phải Triền Đà-la-ni (Tổng trì) thì không cùng tận ý chỉ này, và nói tỉ mỉ tường tận đến mức rất sâu sắc đó. Từ “Triệu sư v.v...” trở xuống dựa vào các kinh phân văn đối chiếu bốn, ba mươi ba môn - mỗi một môn có đủ bốn, nghĩa tuy thành tựu, mà văn lại sâu kín. Vì muốn làm cho tất cả đều biết, nên hiển rõ văn chỉ ra tướng bốn môn, Triệu Sư chú thích kinh Tịnh Danh rằng: Các vị Bồ-tát nhiều lần nói về pháp tướng Văn thù nói ở vô ngôn: “Sơn Gia (tông phái Thiên Thai) theo đúng Triệu sư xếp vào hai môn. Kinh Tư Ích thì tất cả tức tà tức chánh, tà là tục Hữu - Chánh là chân Không. Kinh Hoa Nghiêm thì tâm đi lại khắp nơi vào trong pháp giới, há chẳng phải Diệu hữu? Lập tức thấu suốt như không há chẳng phải Diệu không? Do đó hai kinh này đều là môn cả hai cũng dùng Tịnh Danh ngăn lại ngôn nói, biểu hiện các pháp đều chẳng phải hai biên, chỉ ra Môn thứ tư văn đó

rất rõ rệt. Vậy thì các kinh dựa vào lý tròn đầy chân thật mở ra cái gọi là bốn môn, sâu mà lại rộng đều là Phổ Môn. Từ “Đại phẩm v.v...” trở xuống tất cả nói về Phổ Môn. Đại phẩm - Pháp Hoa có ba câu nói về Môn, tuy không tách biệt thuộc về số của bốn môn, mà khắp nơi gồm thấu pháp đều là Phổ Môn. Bốn mươi hai chữ - từng chữ đều có đủ ba loại Bát-nhã, chẳng phải dọc chẳng phải ngang mà cao mà rộng, cho nên công đức các chữ thường thấu nhiếp nhau. Trí Môn hay Nhất Môn đều thông suốt thật lý. Nhỏ hẹp khó đi vào nghĩa đó tác thành lẫn nhau, khó đi vào bởi vì hẹp - hẹp cho nên khó đi vào, hơn bốn mươi năm điều phục cơ duyên mới nói ra. Môn này rất mâu nhiệm bảy phương tiện chẳng hề hiểu chẳng thể vào được. Đây chính là rất rộng mà được gọi là hẹp. Từ “Các kinh v.v...” trở xuống là kết luận môn gọi là Phổ. Kinh này mở ra quyền khác hẳn với các bộ, biểu hiện rõ ràng thật lý so với Viên xưa kia như nhau, cho nên cùng với các kinh là nói về Phổ Môn. Bốn tùy, và Quán tâm cùng ở tại Đại Bản thứ tám giải thích về Thể Trung đạo rõ ràng. Nghĩa là tùy theo căn cơ kia nhiều loại sai khác, đi đến mong muốn - đi đến thích nghi - đi đến đối trị - đi đến giác ngộ, do đó bốn môn khác nhau để nói. Quán tâm: nếu lấy giáo làm môn, tức là hướng về bốn môn tùy theo môn được ngộ, không cần phải tu quán, gọi là người Tín Hành. Nếu nghe mà không ngộ, nên cần phải tu quán, gọi là người Pháp Hành. Bốn giáo bốn môn đều có mười pháp quán, người học nên tìm hiểu. Hai là giải thích riêng về Phổ Môn, có hai: Một là Nêu lên. Hai là từ “Chí lý v.v...” trở xuống là giải thích, có sáu: Một là nói về Trung thích hợp, hai là nêu mười chương. Từ ở “trên đã trải qua v.v...” trở xuống là giải thích khác Thông. Mười cặp Thông giải thích đã dùng mười đơn độc giải thích người Quán Âm, tức là dùng mười đơn lẻ giải thích pháp Phổ Môn, cho nên nói cách chung đã dựa theo pháp hoàn tất. Mười Môn nay ở trong hai Nghiêm, chính là phước đức nói về nhân quả tự - tha trang nghiêm pháp thân. Như vậy là hành của tánh đức, trở lại nghiêm đối với tánh năng sở vốn mất, tức là chẳng phải trang nghiêm mà trang nghiêm. Bốn là phân biệt tướng. Năm là sanh khởi chung, có bảy: Một là Từ bi. tâm Bồ-đề tiểu trí không có thể phát khởi, tâm do niệm rộng rãi cứu giúp, mà phát khởi tâm vô thượng. Hai. Thệ nguyện. Theo giải thích chung từ bi tức là thệ nguyện, không chia làm hai môn. Nay nói hồng thệ thường hạn định từ bi. Công lực đã khác nhau cho nên cần phải thành lập riêng. Lại từ bi thông thường nói về ban cho và dứt trừ, thệ nguyện dựa vào bốn đế khác nhau nêu ra hạn kỳ yêu cầu. Lại Từ có ở cả phạm phu và tiểu thừa còn thệ chỉ có ở Bồ-

tát. Ba là tu hành. Phước đức, tài của tức là bốn độ trước. Thần thông lực tức là công dụng của thiên định. Trí tuệ chính là Bát-nhã. Bốn. là dứt hoặc, có ba: Một là dẫn ra hai luận, hai là nói về ba đường, tu hành dứt hoặc và đi vào pháp môn. Ba môn này có khai triển có hợp lại, nếu theo luận Thành thật thù dứt tức là giải thoát, đối với vô ngại chỉ lập hai đạo; nếu dựa vào Tỳ-đàm thì đoạn chứng không như nhau đối với phương tiện trở thành ba đạo. Ba từ “Dẫn thích v.v...” trở xuống là dựa vào Thích Luận sử dụng ba đường. Bồ-tát có đoạn cho nên hành đạo vô ngại, quả Phật không đoạn cho nên hành đạo giải thoát. Đã phân chia nhân quả thì không thể hợp lại nói, do đó sử dụng Tỳ-Đàm lấy ba đường làm kế tiếp. Vì thế nay nêu ra chương mục thứ ba Tu hành tức là đạo phương tiện, thứ tư dứt hoặc tức là đạo vô ngại, thứ năm Nhập Pháp môn tức là đạo giải thoát. Năm là Thần Thông. Từ thứ nhất đến thứ năm chính là tự thực hành từ nhân đến quả. Nay nói về Hóa tha không ra ngoài ba bí mật, thứ sáu thần thông tức tương đương thân mật, thứ bảy Phương tiện tức là ý mật, thứ tám Nói pháp tức là miệng mật. Sáu là Cúng Phật. Kết hợp pháp cúng dường với tự hành. Bảy là Độ sanh. Nói đi vào các pháp môn ấy là, dùng Trung đạo thật trí, đi vào quyền môn của hai đế, hóa độ chúng sanh cùng nhau quy về Trung đạo. Sáu là tùy theo chương để giải thích, có hai: đầu tiên là nêu lên. Hai là từ “Bắt đầu từ v.v...” trở xuống là giải thích, có ba: Thứ nhất tạm thời dựa theo mười nghĩa giải thích về Phổ Môn, có mười: Thứ nhất là Từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo thứ lớp ba Từ thông suốt để giải thích, có hai: Một là dựa vào con người để nêu bày ra. Phạm Thánh ba loại Từ bi gồm thân tất cả, phẩm Phạm Hạnh trong Đại kinh quyển mười bốn chép nói: “Từ có ba thứ: Một là duyên chúng sanh, hai là duyên vào pháp, ba là vô duyên. Chúng sanh duyên: Duyên với tất cả chúng sanh như cha mẹ thân thiết nghĩ nhớ. Pháp duyên: Thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh khởi. Vô duyên: Không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh”. Đại luận quyển hai mươi cũng nói: “Từ có ba loại”. Ý văn cùng đại thể giống nhau với Niết-bàn trên. Còn luận quyển năm nói về Bi, cũng có ba loại như chúng sanh v.v... Trong Phụ Hạnh nói: “Dùng ba thứ từ bi để đối chiếu ba đế, nghĩa rất rõ ràng”.

